TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2026/DS-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Bà Trần Thị Lan Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 578/2025/TLST–DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 630/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 3, ấp AL, xã HĐ, tỉnh Tây Ninh, căn cước công dân số 072159003005, cấp ngày 25-4-2021. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1968; vắng mặt có đơn xin vắng mặt;

2.2. Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1965; vắng mặt không có lý do;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp TH, xã CT, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 3, ấp AL, xã HĐ, tỉnh Tây Ninh, căn cước công dân số 024184003357, cấp ngày 20-5-2025. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-8-2025 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05-11-2025 và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2021, thông qua sự giới thiệu của chủ nhà trọ nơi bà ở trước đây, bà có tham gia hụi do bà Trần Thị N thảo hụi một phần hụi, hụi này đã xong, sau đó bà tiếp tục tham gia 3 dây hụi chưa hốt thì tháng 10-2023 bà N tuyên bố bể hụi, cụ thể:

+ Dây thứ nhất, hụi 2.000.000 đồng, khui hàng tháng, khui lần đầu ngày 20-11-2022, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần với tên là " Nhà Trọ L", trong danh sách hụi bà N ghi tên "Hiền Nhà trọ" là không đúng nên bà yêu cầu bà N gạch và ghi lại là "Nhà trọ L", dây hụi này bà đóng được 11 lần, tổng số tiền đã đóng là bao nhiêu bà không nhớ do thời gian đã lâu.

+ Dây thứ hai, hụi 5.000.000, khui hằng tháng, khui lần đầu vào ngày 30-01-2023, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần với tên "L Nhà trọ", bà đóng hụi được 09 lần, tổng số tiền đã đóng là bao nhiêu bà không nhớ do thời gian đã lâu.

+ Dây hụi thứ ba, hụi 5.000.000 đồng, khui hàng tháng, khui lần đầu ngày 06-4-2022, gồm 26 phần, bà tham gia một phần với tên "Hiền Thanh", phần hụi này bà đứng ra tham gia dùm cho con dâu là chị Nguyễn Thị L, khi mới tham gia hụi, bà là người trực tiếp đóng hụi, những lần sau chị L tự đóng hụi cho bà N, hụi đóng được 19 lần, tổng số tiền đã đóng là bao nhiêu bà không nhớ do thời gian đã lâu.

Khi tham gia hụi, bà N giao cho các hụi viên mỗi người một giấy hụi, nhưng trong giấy hụi không có chữ ký của bà N. Các lần khui hụi đều tại nhà bà N, có mặt bà N, chồng bà N là ông Dương Văn H và một số hụi viên khác do các lần khui hụi không có mặt đủ tất cả các hụi viên, có người vắng mặt không đến. Hàng tháng bà đóng tiền hụi cho bà N tại nhà bà N, có mặt ông H, ông H là người đếm tiền cho bà N, có khi bà gặp vợ chồng bà N ngoài đường thì đưa tiền cho vợ chồng bà N. Các lần đóng hụi, bà N ghi trong sổ theo dõi của bà N, còn bà ghi trong giấy hụi của bà. Sau khi bể hụi, bà có gặp bà N thương lượng, bà N hứa trả cho bà tiền vốn số tiền khoảng 48 triệu đồng - 49 triệu đồng đối với hai dây hụi bà trực tiếp tham gia và số tiền 68.000.000 đồng đối với dây hụi bà tham gia dùm cho chị L, nhưng bà N chỉ nói miệng không viết giấy tờ gì. Khoảng nửa tháng sau khi thoả thuận, bà N trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng đưa trực tiếp cho bà, 5.000.000 đồng còn lại đưa cho chị L và ngưng trả cho đến nay. Bà nhiều lần gặp bà N yêu cầu trả triền nhưng bà N hứa hẹn trả dần cho bà nhưng không thực hiện. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 106.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Toà án của bị đơn, bà Trần Thị N trình bày như sau: Bà thống nhất bà Nguyễn Thị L có tham gia hụi do bà làm chủ thảo ba dây hụi, mỗi dây một phần như bà L trình bày. Quá trình thảo hụi đến ngày 20-10-2023, bà bị bể bụi. Tính đến thời điểm bể hụi, đối với hụi 2.000.000 đồng, bà L đóng được 11 lần, mỗi lần 1.600.000 đồng, tổng cộng số tiền 17.600.000 đồng; đối với hụi 5.000.000 đồng khui ngày 30-01-2023, bà L đóng được 9 lần, mỗi lần 3.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 31.500.000 đồng, tổng số tiền hụi bà L đóng cho bà là 49.100.000 đồng. Sau khi bể hụi khoảng 05 ngày đến 10 ngày, giữa bà và bà L có gặp mặt thương lượng với nhau, bà còn nợ bà L số tiền 49.100.000 đồng, chỉ thoả thuận miệng. Ngày 23-12-2023 bà trả cho bà L số tiền 5.000.000 đồng, ngày 24-12-2023 trả thêm cho bà L số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng bà đã trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này bà giao trực tiếp cho bà L và ngưng cho đến nay không trả nữa, bà còn nợ bà L số tiền 39.100.000 đồng. Nhưng do bà L xác định đã nhận của bà số tiền 5.000.000 đồng đối với tiền nợ hụi của dây hụi 2.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 30-01-2023, nên bà đồng ý trả cho bà L số tiền 43.000.000 đồng. Riêng dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06-4-2022, bà L đã đóng được 19 lần, bà đăng hụi cho bà L số tiền 66.500.000 đồng, trừ tiền cò số tiền bà L thực nhận là 64.000.000 đồng, bà đưa trực tiếp cho bà L số tiền 59.000.000 đồng, ngày 24-12-2023 bà đưa thêm cho bà L số tiền 5.000.000 đồng, khi đăng hụi có viết giấy đăng hụi, bản chính do bà L giữ, bà không còn giữ giấy tờ gì hết. Nay bà L khởi kiện, bà đồng ý trả cho bà L số tiền 43.000.000 đồng. Đối với chồng bà là ông Dương Văn H có biết việc bà làm thảo hụi, nhưng ông H không làm hụi chung, việc tham gia hụi là giao dịch giữa bà với bà L không liên quan gì đến ông H, nên bà đồng ý một mình bà có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 43.000.000 đồng.

Bị đơn, ông Dương Văn H đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không cung cấp bản trình bày ý kiến và cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị L tại Toà án như sau: Chị thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L, vào năm 2022 thông qua sự giới của bà L, chị biết bà Trần Thị N có thảo hụi nên nhờ bà L đứng ra tham gia dùm chị một phần hụi 5.000.000 đồng, khui hàng tháng, hụi gồm 26 phần, có danh sách hụi do bà N đưa cho bà L và bà L đưa lại cho chị. Phần hụi chị nhờ bà L tham gia dùm trong danh sách hụi ghi tên "Hiền Thanh" là tên chủ nhà trọ nơi bà L thuê ở. Do trong danh sách hụi ghi tên không đúng tên của chị, nên khi đóng hụi chị yêu cầu bà N sửa lại tên, bà N tự sửa lại thành tên "Hiền Liến" trong danh sách

hụi mà chị giữ. Quá trình tham gia hụi, phần hụi này đóng hụi được 19 lần, mỗi lần từ 3.600.000 đồng đến 3.700.000 đồng, hụi chưa hốt thì đến tháng 10-2023 bà N tuyên bố bể hụi, sau khi bể hụi bà N và bà L thống nhất số tiền hụi bà N còn nợ đối với dây hụi này là 68.000.000 đồng, chỉ thoả thuận miệng không viết giấy tờ gì, từ đó đến nay bà N trả được số tiền 5.000.000 đồng, chị là người trực tiếp nhận. Do đó, tổng số tiền bà N còn nợ đối với dây hụi này là 63.000.000 đồng. Ông H cũng tham gia làm hụi chung với bà N, những lúc khui hụi đều có mặt của ông H, những lần đóng hụi có lần chị đóng hụi cho ông H, có lần đóng hụi cho bà N. Do dây hụi này ban đầu bà L đứng ra tham gia dùm chị, bà L giao dịch với bà N nên chị xác định đây là hụi của bà L. Chị thống nhất với yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà N và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 106.000.000 đồng, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 -Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 33 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Trần Thị N và ông Dương Văn H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 106.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N và ông Dương Văn H trả số tiền nợ hụi nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị N và ông Dương Văn H có địa chỉ nơi cư trú tại xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Dương Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu bà Trần Thị N và ông Dương Văn H cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi số tiền 106.000.000 (một trăm lẻ sáu triệu) đồng.

[2.1] Căn cứ giấy hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 06-4-2022, một tháng khui một lần vào ngày 06, gồm 26 phần; giấy hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 30-01-2023, một tháng khui một lần vào ngày 30, gồm 24 phần; giấy hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20-11-2022, một tháng khui một lần vào ngày 20, gồm 24 phần, thể hiện bà L có tham gia hụi với tên hụi viên là "Hiền Thanh", "L Nhà Trọ", "Hiền Nhà Trọ". Quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận có thảo hụi, bà L có tham gia các dây hụi với các tên hụi viên nêu trên, hụi chưa mãn thì bể hụi. Do đó, việc bà L tham gia hụi do bà N làm chủ thảo là có thật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi 49.100.000 đồng đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 30-01-2023 và dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20-11-2022; bà đã trả cho bà L 10.000.000 đồng hai lần vào ngày 23-12-2023 và ngày 24-12-2023, nên còn nợ bà L số tiền 39.100.000 đồng, tuy nhiên tại phiên H giải, bà L xác định bà N đã trả số tiền 5.000.000 đồng đối hai dây hụi trên, bà N đồng ý trả cho bà L số tiền 43.000.000 đồng. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 06-4-2022, bà N xác định bà L đóng hụi được 19 lần và hốt hụi ngày 06-9-2023 số tiền 64.000.000 đồng, bà đã giao đủ tiền cho bà L, trong đó lần đầu đưa số tiền 59.000.000 đồng và ngày 24-12-2023 đưa thêm số tiền 5.000.000 đồng, nên bà N không còn nợ bà L tiền hụi đối với dây hụi này. Tuy nhiên, ngoài lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã đăng hụi và giao đủ tiền cho bà L đối với dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06-4-2022. Căn cứ Khoản 4, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*", nên Toà án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định bà N còn nợ bà L số tiền 106.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 bà L yêu cầu bà N trả số tiền nợ hụi 106.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Bà L trình bày các lần khui hụi được thực hiện tại nhà bà N có mặt ông Dương Văn H, những lần đóng hụi có lần bà đóng hụi tại nhà bà N, trong các lần đóng hụi có lần ông H là người đếm tiền rồi giao tiền cho bà N, những lần đóng hụi bên ngoài có mặt ông H và bà N do bà L gặp bà N và ông H trên đường đi, nên bà L yêu cầu ông H cùng có nghĩa vụ liên đới với bà N trả cho bà L số tiền nợ hụi trên. Lời trình bày trên của bà L là phù hợp với lời trình bày của chị L về việc ông H có mặt tại các lần chị L trực tiếp đóng hụi cho bà N. Quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận khi bà làm thảo hụi, ông H có biết và nhiều lần ngăn cản không cho bà làm thảo hụi, nhưng đây là công việc riêng của bà, thu nhập từ việc thảo hụi bà dùng để tạo vốn tiếp tục làm thảo hụi, tiền lời từ việc thảo hụi không nhằm mục đích trang trãi kinh tế gia đình, nên ông H không liên quan gì đến việc bà làm thảo hụi nhưng bà N không cung cấp chứng cứ chứng minh. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đồng thời, từ khi bà N làm thảo hụi đến khi tuyên bố bể hụi và hiện nay bà N và ông H là vợ chồng chung sống với nhau, nên có cơ sở xác định bà N mở hụi, làm thảo hụi thời gian dài trong thời kỳ hôn nhân. Toà án đã triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Do đó, căn cứ Điều 288 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 33 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ông H và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 106.000.000 đồng cho bà L.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi hụi.

[3] Đối với việc chị Nguyễn Thị L trình bày có nhờ bà Nguyễn Thị L đứng ra tham gia giúp chị một dây hụi 5.000.000 đồng, hụi khui ngày 06-4-2022 do bà N làm thảo hụi, quá trình tham gia hụi những lần đầu bà L là người đóng hụi, những lần sau chị là người đóng hụi. Tuy nhiên, chị L xác định hụi này là hụi của bà L và chị không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án này, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Thị N và ông Dương Văn H phải chịu 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 288, Điều 463 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 33 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với bà Trần Thị N, ông Dương Văn H.

Buộc bà Trần Thị N, ông Dương Văn H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 106.000.000 (một trăm lẻ sáu triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi hụi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị N và ông Dương Văn H phải chịu 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị L miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc vắng mặt khi tuyên án có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày để từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 10 Tây Ninh;
- PTHADS KV 10 Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(02D01.149.103156)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Cẩm Loan